

## XÉT XỬ HÌNH SỰ THEO TỔ TỤNG TRANH TỤNG - KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI VÀ ĐỊNH HƯỚNG Ở VIỆT NAM

Ngô Huy Cường<sup>(1)</sup>

Việc chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường trong điều kiện toàn cầu hoá và ý tưởng xây dựng Nhà nước Pháp quyền nhằm tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đang thúc đẩy Việt Nam tiến hành nhiều công cuộc cải cách. Cùng với cải cách hệ thống chính trị, cải cách hành chính..., công cuộc cải cách tư pháp đang trở thành một trong những vấn đề trọng yếu của quá trình xây dựng Nhà nước Pháp quyền và là một yếu tố không thể thiếu để các công cuộc cải cách khác thành công.

Nhìn nhận về tư pháp, Andrew Heywood đã nhấn mạnh: "*Tư pháp là một nhánh của chính quyền, được giao quyền lực quyết định các tranh chấp pháp lý. Vì thế chức năng trung tâm của các thẩm phán là phân xử ý nghĩa của luật (to adjudicate the meaning of law) với nghĩa rằng họ giải thích hay làm để hiểu luật*" [1, tr. 117]. Trong các tranh chấp được phán xử đó, có rất nhiều các vụ việc liên quan tới hình sự - một vấn đề nhạy cảm của quyền con người. Để xác định đúng sự thực khách quan, áp dụng hình phạt tương thích với hành vi phạm tội, không ai không nghĩ rằng cần phải có một trình tự, thủ tục đặc biệt, chặt chẽ, khoa học và đáng tin cậy. Vì vậy tố tụng hình sự, nhất là giai đoạn xét xử, thường được lưu tâm hàng đầu trong các công cuộc cải cách tư pháp của các nước trên thế giới. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ cho thấy luật tố tụng hình sự đã bị tác động rất mạnh bởi Hiến pháp liên bang và các Hiến pháp của các tiểu bang, so với luật tố tụng dân sự [3, tr. 99]

Trong những năm vừa qua, ở Việt Nam, nhân dân đã và đang rất băn khoăn về hệ thống tư pháp, bởi một trong những nguyên nhân là có nhiều oan sai và nhiều tiêu cực khác trong hoạt động xét xử về hình sự. Nếu xem toà án như biểu tượng của công lý bảo đảm sự ổn định của đời sống con người, thì việc thiếu lòng tin vào toà án đồng nghĩa với xã hội thiếu công lý. Dĩ nhiên những điều sai lầm đó không thể chỉ do toà án và các thẩm phán phải gánh chịu.

Vì các lẽ đó, nhằm góp phần nhỏ vào cuộc trao đổi về cải cách tư pháp, trong khuôn khổ có hạn của khả năng, tác giả, thông qua bài viết này, giới thiệu sơ lược một số kinh nghiệm quốc tế và bày tỏ một số quan điểm về đổi mới hoạt động xét xử theo nguyên tắc tranh tụng.

Trước tiên, có lẽ nên tiếp cận tố tụng tranh tụng, cái mà chúng ta sắp hướng tới, từ góc độ so sánh.

<sup>(1)</sup> ThS, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

## I. Tố tụng tranh tụng tiếp cận từ góc độ so sánh

Vào năm 1999, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp đã dịch và giới thiệu với độc giả Việt Nam cuốn "Tư pháp hình sự so sánh" của một tác giả Hoa Kỳ mang tên Philip L. Reichel [9]. Và từ đó các chuyên gia tư pháp hình sự của Việt Nam nói tới thường xuyên hơn về tố tụng tranh tụng trong hoạt động xét xử.

1. Kiểu loại tố tụng tranh tụng được tìm thấy ở các nước thuộc Hệ thống Common Law. Đối với các nước thuộc Hệ thống Civil Law thường áp dụng kiểu loại tố tụng thẩm vấn. Tuy nhiên, do giao lưu văn hoá và do sự học hỏi lẫn nhau, nhiều nước ở châu Âu lục địa cũng đã tìm đến kiểu loại tố tụng tranh tụng với các mức độ khác nhau. Chẳng hạn, năm 1989, Ý đã quyết định chuyển hệ thống tố tụng của mình từ tố tụng thẩm vấn sang tố tụng tranh tụng; năm 2000, Pháp đã đưa vào hệ thống pháp luật của mình một số nguyên tắc của tố tụng tranh tụng [6, tr.4 - 5].

Mặc dù được nhắc tới thường xuyên, nhưng không phải là không có sự tranh luận về nguồn gốc của tố tụng tranh tụng. Trong phần trình bày của mình tại Nhà Pháp luật Việt - Pháp, bà Elisabeth Pelsez cho rằng loại hình tố tụng đầu tiên trong lịch sử phát triển của các xã hội là tố tụng tranh tụng. Bà nhấn mạnh rằng các nhà nghiên cứu lịch sử pháp luật đều nhận định rằng kiểu loại tố tụng này đã được áp dụng tại Hy Lạp cổ đại và được đưa tới La Mã với tên gọi "thủ tục hỏi đáp liên tục" [6, tr. 2].

Nếu xem Anh Quốc là quê hương của Hệ thống Common Law và pháp luật của Anh Quốc phát triển xung quanh hệ thống writ, thì ở đâu đó có một sự lý giải theo con đường khác về tố tụng tranh tụng. Philip L. Reichel nói rằng hệ thống tranh tụng thường được coi là cái thay thế cho sự trả thù cá nhân. Quả thực, cho đến thế kỷ XIII, ở Anh Quốc, những người bị xâm hại về tài sản, về thân thể chưa được sự bảo hộ của pháp luật, hay nói cách khác, chưa được sự che chở của toà án và phải tự trả thù, trong khi các writ liên quan đến các vấn đề khác đã phát triển. Người Anh có câu châm ngôn "*No writ, no remedy*", có thể tạm dịch là "*Không có tố quyền, thì không có chế tài*". Writ có thể được hiểu một cách rất đơn giản là lệnh gọi hầu toà. Điều đó có nghĩa là một nền công lý thô bạo vẫn được áp dụng tại Anh Quốc cho tới khoảng năm 1252 khi writ of Trespass (tố quyền về sự vi phạm) được các toà án hoàng gia chấp nhận [2, tr.16]. Từ đó có thể nhận định rằng người buộc tội đã chuyển từ cá nhân sang nhà nước. Và như vậy nhà nước và người bị buộc tội xử sự với nhau theo kiểu tranh cãi. Nên quy trình xét xử đó được gọi là kiểu tranh tụng hay đối tụng [9].

Kiểu loại tố tụng này trái ngược với tố tụng thẩm vấn - một hình thức, theo một số nhà nghiên cứu, có nguồn gốc từ La Mã, rồi được các toà án giáo hội làm tái sinh vào khoảng thế kỷ XIII [6, tr. 3], mà tại đó người bị hại bị loại ra khỏi vai trò của người buộc tội tư và thay thế vào đó là một công chức không tiếp tục vai trò của người buộc tội tư nữa.

Các phân tích lịch sử cho thấy hai kiểu loại tố tụng này mang nhiều đặc tính khác nhau. Trong một công trình giới thiệu về hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, Allan

Farnsworth cho rằng tố tụng hình sự ở Hoa Kỳ đã rất nhấn mạnh tới vai trò của công tố hay người khởi tố, trong khi đó các nước theo tố tụng thẩm vấn lại nhấn mạnh đặc biệt tới vai trò của thẩm phán [3, tr. 100]. Người ta vẫn thường nói tới tư tố ở Anh Quốc và coi đây là một đặc trưng lớn của tố tụng hình sự ở nước này. Những vấn đề không hoàn toàn còn nguyên ý nghĩa của nó. Thời gian đã làm thay đổi các sự vật và sự việc. Thực tế lý thuyết về quyền tư tố ở nước này không còn đáp ứng được hoàn cảnh mới nữa. Khi lực lượng cảnh sát lớn mạnh, họ đã gánh vác dân trách nhiệm khởi tố kẻ bị tình nghi phạm tội. Câu chuyện dường như được xuất phát từ Scotland nơi mà đã tổ chức công tố và thu hẹp quyền tư tố. Cho tới năm 1985, Đạo luật về Khởi tố Tội phạm (The Prosecution of Offences Act) được ban hành lập ra cơ quan khởi tố hoàng gia (Crown Prosecution Service) [5, tr. 616-623]. Các thông tin này cũng đã lưu ý chúng ta về sự nhấn mạnh tới vai trò của công tố ở xứ sở của Hệ thống Common Law.

Mặc dù đều có mục đích tìm đến sự thật khách quan của vụ án, nhưng tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn là các con đường khác nhau. Tố tụng tranh tụng mở ra cơ hội và tạo ra một cơ chế hoàn toàn thích hợp cho các bên: nhà nước và bị cáo tranh luận với nhau một cách khá tự do trên cơ sở đưa ra các chứng cứ để buộc tội hoặc gỡ tội. Chính vì vậy thẩm phán trong hệ thống tố tụng này đóng vai trò như một trọng tài. Mọi việc được giải quyết tại phiên tòa. Và tố tụng tranh tụng đề cao vai trò của luật sư.

Có nhiều điểm khác biệt, phiên tòa trong tố tụng thẩm vấn không phải là sự tranh chấp giữa nhà nước và bị cáo mà thực chất là một giai đoạn tiếp tục điều tra. Con đường này là con đường hy vọng tìm đến sự thật qua hoạt động điều tra và thẩm vấn. Vì thế phần tranh tụng của các bên không được đề cao. Và vị thế của luật sư tại phiên tòa như vậy thấp hơn so với vị thế đồng nghiệp của họ tại phiên tòa theo tố tụng tranh tụng.

Quyền lực tại phiên tòa hầu như tập trung vào thẩm phán trong hệ tố tụng thẩm vấn. Còn trong tố tụng tranh tụng, ở phiên tòa quyền lực được san sẻ giữa thẩm phán, công tố, luật sư và bồi thẩm đoàn.

Vì hy vọng tìm ra sự thật qua điều tra, nên hệ tố tụng thẩm vấn cần thiết sự nhận tội hay hợp tác của bị cáo. Nhưng hệ tố tụng tranh tụng không cần thiết sự hợp tác của bị cáo.

Các điểm khác biệt giữa hai hệ thống tố tụng này nhiều khi dẫn đến sự đánh giá rất khác nhau phù hợp với thực tiễn của từng xã hội cụ thể và sự nhấn mạnh tới mặt này hay mặt khác của hệ thống đang được xem xét, hoặc giữa mục tiêu này và mục tiêu khác của người đánh giá. Tuy nhiên để thấy rõ được những điểm mạnh, điểm yếu của hai kiểu loại này, chúng ta nên khảo sát những nét chính của pháp luật tố tụng hình sự được phát triển trên căn bản của hai kiểu loại tố tụng này. Ở đây cần lưu ý rằng chúng được xem là hệ quả logic của những đặc tính khác biệt vừa so sánh.

Nhằm các mục tiêu trình bày ở trên, tác giả lựa chọn giới thiệu pháp luật tố tụng hình sự của Hoa Kỳ, bởi hệ thống pháp luật của nó xây dựng trên hình mẫu của pháp

luật Anh (có nghĩa là theo Common Law), và bao gồm hệ thống pháp luật liên bang và các hệ thống pháp luật của các tiểu bang mà tại đó chúng được quyền lựa chọn khuynh hướng nhưng vẫn tìm tới tổ tụng tranh tụng.

Ở Hoa Kỳ có hai dạng bắt giữ người là bắt giữ có lệnh (warrant) và bắt giữ không có lệnh. Bắt giữ có lệnh được tiến hành sau khi có một đơn khiếu nại đã được xem xét bởi một thẩm phán địa phương (magistrate) - người tìm ra lý do có thể (probable cause) để bắt giữ. Việc bắt giữ không có lệnh được thực hiện khi hành vi được thực hiện với sự chứng kiến của cảnh sát hoặc khi cảnh sát có lý do có thể tin rằng ai đó đã phạm tội hoặc sẽ phạm tội. Sau khi tiến hành bắt, cảnh sát phải lập chứng cứ hay có một tuyên bố có tính chất thề thốt (sworn statement). Trong vòng 24 tiếng đồng hồ kể từ khi bắt, nghi can phải được đưa tới thẩm phán hay quan chức tư pháp địa phương. Nghi can nhất thiết phải được thông báo chính xác về các trách nhiệm và tất cả các quyền hiến định, cũng như các bảo đảm. Trong các quyền của nghi can, có một số quyền mà Quyết định Miranda của Tòa án Warren năm 1966 đã tuyên như sau: *"Nghi can nhất thiết được thông báo trước khi thẩm vấn rằng nghi can có quyền giữ im lặng, rằng bất kỳ những gì nghi can nói có thể được sử dụng để chống lại nghi can tại tòa án, rằng nghi can có quyền đòi hỏi sự có mặt của luật sư và rằng nếu nghi can không có khả năng thuê luật sư, thì một luật sư có thể được chỉ định giúp nghi can trước khi thẩm vấn"*. Tuyên bố này cũng phải được cảnh sát thông báo cho nghi can trước khi thẩm vấn nghi can [4, tr.149]. Ở một vài tiểu bang của Hoa Kỳ còn đòi hỏi phải thông báo cho nghi can các quyền được ghi trong Đạo luật về Nhân quyền như: quyền được xét xử nhanh chóng, và quyền được đối chất với những người làm chứng chống lại nghi can.

Ở cấp liên bang, nghi can được bảo đảm bởi Sửa đổi Hiến pháp số 5 về việc họ được đại bồi thẩm đoàn xem xét. Đại bồi thẩm đoàn có khoảng từ 16 đến 23 công dân được lựa chọn một cách ngẫu nhiên từ danh sách cử tri. Họ quyết định theo đa số. Công tố viên trình chứng cứ trước đại bồi thẩm đoàn. Nếu đa số tin rằng có *"lý do có thể"*, thì có thể lập cáo trạng.

Tại phiên tòa, các quyền của nghi can phải được bảo đảm và các bước bao gồm: những tuyên bố khai mạc (Opening Statement); việc thừa kiện của công tố (The Prosecution's Case); việc thừa kiện của nghi can (The Case for the Defence); việc thực hiện vai trò của thẩm phán trong phiên tòa và chỉ thị cho bồi thẩm đoàn; quyết định của bồi thẩm đoàn. Tại giai đoạn tuyên bố khai mạc, các bên trình bày các khía cạnh của vụ án với bồi thẩm đoàn, đưa ra các chứng cứ và gọi nhân chứng. Thông thường phía nhà nước trình bày các tuyên bố trước, sau đó đến lượt nghi can phản bác. Sau khi các tuyên bố khai mạc kết thúc, công tố viên trình bày các chứng cứ bao gồm các chứng cứ vật thể (physical evidence) và sự chứng thực của nhân chứng (the testimony of witnesses). Nghi can phản đối các vật chứng. Nếu việc phản đối không thành công, thì các vật chứng bị dán tem niêm phong và trở thành một phần của hồ sơ vụ án. Hầu hết các chứng cứ tại phiên tòa thuộc dạng lời khai của nhân chứng. Thủ tục "hỏi - đáp" hết sức được tôn trọng. Một bên hỏi nhân chứng. Bên kia cũng có quyền chất vấn, bắt bẻ

nhân chứng. Thẩm phán đóng vai trò trung gian với công việc đầu tiên là theo dõi phiên tòa mà trong đó nhà nước và nghi can được phép trình bày đầy đủ việc kiện tụng của mình trong khuôn khổ của pháp luật. Thẩm phán được yêu cầu xem xét các kiến nghị của công tố viên và của luật sư liên quan đến các dạng chứng cứ và liên quan đến các câu hỏi đối với nhân chứng. Trong một vài tiểu bang, thẩm phán được phép đặt những câu hỏi quan trọng về nhân chứng và cũng được phép bình luận với bồi thẩm đoàn về độ tin cậy của các chứng cứ. Nhưng trong một số tiểu bang khác, thẩm phán bị hạn chế các hành vi đó. Thẩm phán cũng có trách nhiệm đối với những điểm giải thích khác nhau về pháp luật trong tranh tụng.

Công việc của bồi thẩm đoàn là cân nhắc và đánh giá sự thật của vụ việc. Thẩm phán phải hướng dẫn các thành viên bồi thẩm đoàn về ý nghĩa của luật và cách thức áp dụng luật. Trong khi cân nhắc, bồi thẩm đoàn có thể hỏi thẩm phán và xem xét chứng cứ. Khi có được quyết định bằng cách bỏ phiếu, họ quay trở lại phòng xử án để tuyên án.

Sau khi xét xử tại phiên tòa, sự kết án (sentencing) sẽ nói lên rằng thời điểm sự tuyên phạt được thiết lập. Tại cấp liên bang và hầu hết các tiểu bang, kết án được thực hiện bởi một mình thẩm phán. Tuy nhiên có một vài tiểu bang đòi hỏi phải kết án trước mặt nghi can và bồi thẩm đoàn.

Đối với hệ tố tụng thẩm vấn, nguyên tắc phân công, phân nhiệm được áp dụng trong tổ chức tư pháp hình sự. Ba nhiệm vụ truy tố, thẩm cứu và xét xử được phân chia cho các thẩm phán khác nhau là thẩm phán công tố, dự thẩm và thẩm phán xử án. Các chức vụ này ở Việt Nam đã từng có trong các chế độ trước [7, tr.4-9].

Các đặc trưng chủ yếu của hệ tố tụng này đã được trình bày ở trên và có các hệ quả là các tình tiết của cuộc điều tra tội phạm được lập thành hồ sơ đưa ra tòa. Việc xét xử tại tòa án theo nguyên tắc công khai, hỏi đáp bằng miệng và tranh biện. Các tình tiết trong hồ sơ được thẩm phán lưu ý và làm rõ. Trong hệ tố tụng tranh tụng, các bên có quyền đặt thẳng câu hỏi cho các nhân chứng trả lời, nhưng trong hệ tố tụng thẩm vấn theo hệ thống của Pháp các câu hỏi như vậy chỉ được đặt ra khi thẩm phán xét xử cho phép.

## **II. Thực trạng pháp luật về tố tụng hình sự tại Việt Nam**

Nhiều quan điểm cho rằng, Việt Nam theo hệ tố tụng thẩm vấn, vì hình mẫu pháp luật của Việt Nam là Hệ thống Pháp luật XHCN mà hệ thống pháp luật này được tách ra từ Hệ thống Civil Law [9, tr.120].

Để tuân thủ mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội là bảo đảm chuyên chính của giai cấp vô sản, trong khi nhấn mạnh tới tính giai cấp của pháp luật hình sự, nhiều học giả XHCN đã đề cao lên hàng đầu nguyên tắc xác định sự thật của vụ án hình sự. Do đó việc quyết không bỏ lọt tội phạm được nêu lên như một khẩu hiệu trong công cuộc đấu tranh chống tội phạm. Điều đó cũng có thể được suy diễn là phải truy tìm tội phạm đến

cung. Do đó khái niệm công tố được một số học giả quan niệm "là sự can thiệp của các cơ quan chức năng vào quá trình tố tụng nhân danh nhà nước và vì lợi ích công". Sau đó đi tới kết luận: "Công tố chính là hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi phạm tội" [8, tr.377].

Như vậy, trong khi đồng tình với quan điểm này, nhiều ý kiến cho rằng các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm... đều là các tầng nấc khác nhau và cao hơn liên tiếp của hoạt động buộc tội. Song ở đây cần phải lưu ý rằng năm phán của Việt Nam chưa phải là nhân vật quan trọng dẫn đầu như vị thế của các công nghiệp của họ ở các nước khác theo hệ thống tố tụng thẩm vấn đã nêu, bởi vì hoạt động của họ bị giám sát hay kiểm sát bởi viện kiểm sát nơi mà có các quan chức tư pháp giữ quyền công tố trong phiên toà xét xử do chính họ là chủ tọa.

Từ đây có thể thấy tố tụng hình sự của Việt Nam không có các đặc trưng quan trọng của tố tụng tranh tụng và cả tố tụng thẩm vấn. Thực chất, theo tác giả, đây là hệ thống riêng biệt có thể gọi là "tố tụng buộc tội".

Chính vì vậy trong những năm qua xét xử oan sai nhiều và có nhiều biểu hiện tiêu cực. Quốc hội liên tục chất vấn, phản nản về những sự việc đó, nhưng biến chuyển chưa đáng kể.

Đứng trước tình hình đó, chủ trương cải cách tư pháp nói chung và đổi mới hoạt động xét xử theo hướng tranh tụng nói riêng là hết sức đáng lưu tâm.

## II. Định hướng đổi mới hoạt động xét xử theo hướng tranh tụng ở Việt Nam

Trước khi đi vào các định hướng cụ thể, tác giả thấy cần phải nêu rõ một vài điểm cốt lõi cách phương pháp luận.

**Thứ nhất**, bất kể hệ thống tố tụng nào, dù là tố tụng tranh tụng hay tố tụng thẩm vấn, đều có những ưu điểm và khuyết điểm nhất định mà cần phải đánh giá chính xác rõ ràng.

**Thứ hai**, đổi mới hoạt động xét xử theo hướng tranh tụng không có nghĩa là chỉ quan tâm đến giai đoạn xét xử, bởi như mục I đã trình bày, hệ tố tụng tranh tụng hay tố tụng thẩm vấn liên quan đến tổ chức tư pháp, và các giai đoạn khác của tố tụng, thậm chí cần phải được bảo đảm bằng trật tự hiến pháp. Tuy nhiên, vấn đề xét xử đều được coi là trung tâm của tố tụng hình sự. Dù sao việc thiết kế một cơ chế bảo đảm cho việc tranh luận tại phiên toà theo đúng nghĩa của nó bao giờ cũng là cần thiết.

**1. Những ưu điểm của tố tụng thẩm vấn là bảo đảm sự truy kích và đấu tranh với tội phạm, nhất là trong việc đấu tranh với các tổ chức phạm tội. Các phiên toà diễn ra ngắn gọn.**

Bên cạnh các ưu điểm này, người ta rất dễ nhận thấy các nhược điểm của tố tụng thẩm vấn. Hệ tố tụng này thường bị chỉ trích là không tôn trọng đầy đủ các quyền của

các bên đương sự, vì họ không có nghĩa vụ chứng minh chứng cứ do thẩm phán điều tra tập hợp. Do đó người ta cho rằng tố tụng thẩm vấn đi ngược lại nguyên tắc vô tư, khách quan và rằng đôi khi thẩm phán đã có sẵn trong đầu quyết định xét xử trước khi đi ra giai đoạn xét xử. Việc tranh luận tại phiên tòa trở nên không có nhiều tác dụng [6, tr 4].

Ngược lại, trong tố tụng tranh tụng quyền con người được tôn trọng hơn. Do các bên có quyền tranh luận tự do, nên tính vô tư, khách quan trong hoạt động tố tụng được bảo đảm. Nguyên tắc suy đoán vô tội được tôn trọng triệt để.

Song tố tụng tranh tụng cũng có nhiều nhược điểm. Chẳng hạn phiên tòa thường diễn tiến rất dài, bởi công đoạn điều tra được gộp lại giải quyết trong phiên tòa. Tố tụng tranh tụng rất nhiều chi tiết phức tạp, do đó đòi hỏi sự thạo việc từ phía thẩm phán công tố viên và luật sư. Điều đó cho thấy thủ tục này sẽ bất lợi cho người nghèo không có tiền để thuê luật sư giỏi.

2. Từ thực trạng của hoạt động tố tụng hình sự, có nhiều quan điểm ủng hộ cho việc chuyển hệ tố tụng hiện nay của Việt Nam sang hệ tố tụng tranh tụng. Nhưng kinh nghiệm thế giới cho thấy có những khó khăn nhất định khi đi theo hoàn toàn con đường tố tụng tranh tụng. Nước Ý sau khi chuyển từ tố tụng thẩm vấn sang tố tụng tranh tụng đã vướng phải những rắc rối trong việc đấu tranh chống lại các tổ chức mafia. Vì thế họ đã cố gắng thiết lập lại phần nào các ưu điểm của tố tụng thẩm vấn.

Việt Nam không theo hoàn toàn các nguyên tắc của tố tụng thẩm vấn và không có các yếu tố của tố tụng tranh tụng. Cho nên việc hướng tới các nguyên tắc của tố tụng tranh tụng là cần thiết, nhưng phải thận trọng.

Mục tiêu xây dựng Nhà nước Pháp quyền đã được ghi nhận vào Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung) đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải đáp. Nhà nước Pháp quyền là một học thuyết ủng hộ rất mạnh mẽ cho các quyền tự nhiên của con người, chú trọng tố cá nhân. Nó là một yếu tố hết sức quan trọng của dân chủ. Nhà nước Pháp quyền, khi được lý giải về mặt khái niệm, có một hạt nhân căn bản là nhà nước phải bị ràng buộc bởi pháp luật hay nhà nước phải tuân thủ pháp luật vô điều kiện. Nói cách khác nhà nước bị xếp ở hàng thứ yếu so với pháp luật. Để bảo đảm được như vậy, Nhà nước Pháp quyền đặt ra rất nhiều yêu cầu phù hợp với các hoàn cảnh xã hội cụ thể. Chỉ khi thực hiện được các yêu cầu này, thì nhà nước mới được coi là bị ràng buộc bởi pháp luật và mới được tuyên bố là đã xây dựng thành công Nhà nước Pháp quyền. Dù sao trong Nhà nước Pháp quyền, nhà nước và công dân có vị thế bình đẳng trước pháp luật. Tố tụng tranh tụng chuyển tải được nội dung đó. Vậy ở Việt Nam, theo hướng Nhà nước Pháp quyền, tố tụng hình sự cần phải bảo đảm các quyền con người, phải tôn trọng nhân dân - người đã trao quyền lực của mình cho nhà nước. Từ mục tiêu này và từ thực tế của hoạt động tố tụng mà chưa chứng minh được đầy đủ tính khách quan hiện tại, chúng ta có thể khẳng định việc thiết lập một số nguyên tắc của tố tụng tranh tụng tại Việt Nam là con đường đi đúng đắn nhằm xây dựng Nhà nước Pháp quyền. Tuy nhiên thiết lập như thế nào với những điểm gì là một vấn đề rất lớn cần đầu tư mạnh.

Có nhiều quan điểm cho rằng tình hình tội phạm ở nước ta tăng nhanh, thẩm phán trình độ non kém, toà án còn quá nhiều vụ việc ùn tắc, nên không thể kéo dài phiên toà xét xử theo kiểu tố tụng tranh tụng.

Có thể nói, nhiều tội phạm không ảnh hưởng lớn tới tố tụng tranh tụng. Chẳng hạn ở Hoa Kỳ mỗi năm cảnh sát thực hiện khoảng 11 (mười một) triệu vụ bắt giữ, không kể vi phạm luật lệ giao thông [4, tr. 144]. Song họ vẫn theo đuổi tố tụng tranh tụng. Và dường như rất ít lời phàn nàn về toà án của nước này. Nó vẫn là biểu tượng công lý của nhân dân Mỹ. Vấn đề là ở chỗ lựa chọn như thế nào trước sự bảo đảm ổn định xã hội và sự truy kích tội phạm. Có lẽ bảo đảm ổn định xã hội thường được lựa chọn, vì bảo đảm ổn định xã hội là chức năng đầu tiên và quan trọng nhất của pháp luật được biểu hiện tập trung ở vai trò của toà án.

Có quan điểm cho rằng chỉ cần tăng cường tranh luận tại phiên toà là đã bảo đảm nguyên tắc của tố tụng tranh tụng. Các phân tích ở trên cho thấy cần có sự đồng bộ trong việc tiếp nhận các nguyên tắc của tố tụng tranh tụng.

Để khẳng định được việc xây dựng một hệ thống tố tụng hình sự như thế nào, có một điều rất cần thiết phải nghĩ tới. Đó là xác định các tiêu chí xây dựng và đánh giá hệ thống tư pháp hình sự. Các tiêu chí này cần phải cân nhắc giữa cá nhân và cộng đồng; giữa quyền của con người và quyền lực của nhà nước; giữa tính nhân đạo và sự cố chấp... để làm sao vừa bảo đảm được quyền của cá nhân mà vẫn ngăn cản được tác hại của tội phạm đối với cộng đồng.

**3.** Qua các lập luận ở trên, tác giả cho rằng đổi mới hoạt động xét xử theo hướng tranh tụng cần phải chú ý tới các vấn đề sau :

**Thứ nhất**, phải chú trọng đến quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy Pháp là nước theo tố tụng thẩm vấn nhưng khi chú trọng đến quyền con người, đến nguyên tắc suy đoán vô tội đã phải đưa một số nội dung của tố tụng tranh tụng vào hệ thống pháp luật của nước mình từ năm 2000.

**Thứ hai**, tăng cường chế định luật sư như : tăng số lượng và chất lượng của luật sư ; cho họ tham gia từ đầu của qui trình tố tụng với quyền được thu nhập chứng cứ.

**Thứ ba**, công tố viên và luật sư phải được phép tranh luận tự do tại phiên toà, hỏi trực tiếp nhân chứng, bác bỏ vật chứng... Và dĩ nhiên các ý kiến của họ phải được tôn trọng, xem xét thích đáng.

**Thứ tư**, đào tạo lại thẩm phán theo hướng tranh tụng, xác định cho họ quan điểm trọng tài tại phiên toà xét xử, bài bác tính ỷ lại vào hồ sơ.

**Thứ năm**, cơ quan điều tra không được quyền giam giữ bị can mà việc giam giữ phải được quyết định bởi toà án. Việc hỏi cung bị can chỉ được tiến hành khi có mặt của luật sư.

**Thứ sáu**, xem xét việc bỏ quyền kiểm sát tư pháp của viện kiểm sát, bởi các kiểm sát viên là một bên tranh tụng đại diện cho nhà nước được xem là bình đẳng với bị cáo.



Đây là vấn đề quan trọng, có tính chất mấu chốt để đổi mới hoạt động tố tụng hình sự theo hướng tranh tụng ở Việt Nam.

**Thứ bảy**, thiết lập chế độ bồi thẩm đoàn đôi với một số loại tội.

**Thứ tám**, không thể không nghĩ đến việc nâng cấp toàn bộ hệ thống giữ quyền công tố.

**Thứ chín**, bị can, bị cáo hoặc người bị tình nghi là phạm tội khi bị bắt giữ phải được thông báo về các quyền và lợi ích liên quan, đồng thời có quyền giữ im lặng. Ngược lại, các cơ quan điều tra không nên trông chờ sự khai báo và hợp tác điều tra của bị can.

**Thứ mười**, toà án, khi xét xử, phải nhân danh công lý hoặc nhân danh nhân dân, không thể nhân danh nhà nước, vì toà án là nơi xét xử tranh chấp giữa nhà nước và công dân trong các vụ án hình sự và hành chính. Nếu toà án nhân danh nhà nước để xét xử, thì sẽ mất đi sự công bằng, khách quan, vô tư.

**Cuối cùng**, Hiến pháp phải có một hệ thống các quy định về quyền con người mà trong đó có các quyền liên quan tới tố tụng hình sự.

Trên đây là một số vấn đề mà tác giả cho rằng cần phải mất rất nhiều công sức để nghiên cứu sâu hơn nữa để phục vụ sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Heywood, *Key Concepts of Politics*, Mamillan Study Guides, 2000.
2. Arthur R. Hogue, *Origins of the Common Law*, A Liberty Press Edition, 1996.
3. E. Allan Farnsworth, *An Introduction to the Legal System of United States*, Oceana Publication, INC- London-Rome-New York.
4. Robert A. Carp & Ronald Stidham, *Judicial Process in America*-CQ Press-1990.
5. S. H. Bailey & M. J. Gunn, *Smith & Bailey on The Modern English Legal System*-Smith & Maxwell.
6. Nhà pháp luật Việt- Pháp, *Một số nội dung về nguyên tắc tố tụng xét hỏi và tranh tụng, kinh nghiệm của Pháp trong việc tuyên chọn, bồi dưỡng, bổ nhiệm, quản lý thẩm phán*, Hà Nội-18/ 1/ 2002.
7. Nguyễn Văn Lượng, Lê Tài Triển, Trần Thúc Linh, *Nhiệm vụ của chánh thẩm toà hình*-Kim Lai ấn quán, Sài Gòn, 1967.
8. Trần Đình Nhã, *Các nguyên tắc của tố tụng hình sự Việt Nam*, Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, NXB Chính trị Quốc gia, 1994.
9. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Thông tin Khoa học Pháp lý*, Số đặc biệt năm 1999.

CRIMINAL TRIAL UNDER ADVERSARY PROCEDURE - FOREIGN  
EXPERIENCES AND ORIENTATIONS IN VIET NAM

**Ngô Huy Cương**

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi*

Criminal procedure is under renovation to meet the requirements for building the Rule of Law State in Viet Nam, and the globalization that is affecting the country. Affirming the necessity of doing so, the author supposes that adversary procedure is the trend of Vietnamese law of criminal procedure. The article focuses on the comparative analyses between adversary procedure and inquisitorial procedure; an introduction to US criminal trial experiences; and proposals for some orientations of the reform. It is emphasised in the article that criminal procedure of Viet Nam is “prosecutorial procedure” other than adversary procedure and inquisitorial procedure.